

Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam: Từ Chế Độ Quân Chủ sang Thể Chế Cộng Hòa

Nguyễn Cao Quyền

Một câu hỏi thường được đặt ra là: “Tại sao Trung Quốc đã không biết lợi dụng luồng gió cách mạng dân chủ Đông Âu năm 1989, và năm 1991 khi Liên Xô sụp đổ, để chuyển sang thể chế dân chủ tự do?”



Câu trả lời sẽ không mấy khó khăn nếu ta để ý rằng Trung Quốc là một quốc gia có một truyền thống quân chủ quá lâu đời với phần đông dân chúng là nông dân. Với thực trạng này, khi dân chúng ủng hộ Mao Trạch Đông chống lại Tưởng Giới Thạch, họ cũng không ý thức được là họ sẽ được hưởng những gì sau khi cộng sản nắm chính quyền. Niềm hy vọng mờ mờ mà họ có vào lúc đó chỉ là đất nước sẽ thay đổi và họ sẽ có một nước Trung Hoa mới mẻ hơn. Cho nên câu hỏi đúng hơn phải đặt ra cho những người lãnh đạo cộng sản là tại sao họ lại tin rằng chủ nghĩa cộng sản có thể là thang thuốc chữa bách bệnh cho Trung Quốc.

Lý do khiến Trung Quốc trở thành cộng sản không phải hoàn toàn là lý do nội bộ mà là do kinh nghiệm rút ra từ những quan hệ với các cường quốc Tây phương trong thế kỷ 20. Nói trắng ra là Trung Quốc đã từng là nạn nhân của chủ nghĩa đế quốc do các cường quốc Tây phương mang lại. Kinh nghiệm này làm cho những người lãnh đạo Trung Quốc nhìn nền dân chủ phóng khoáng Tây phương với con mắt nghi ngờ.

Cuộc Cách Mạng Tân Hợi do Quốc Dân Đảng Trung Hoa tiến hành và đạt thắng lợi năm 1911 đã không chọn lựa cho Trung Quốc được một hình thái dân chủ thích hợp nên khi Cộng sản cướp được chính quyền năm 1949, họ đã lựa chọn chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa cho đất nước. Những đoạn viết sau đây mô tả công cuộc đấu tranh của những người lãnh đạo cộng sản chống lại những ý niệm dân chủ tự do của Tây Phương.

Hình thái và giá trị dân chủ không được Trung Quốc chấp nhận

Những nhà cách mạng Trung Hoa khi tiến hành đấu tranh ở đất nước họ, không phải vì những lý tưởng tự do dân chủ mà vì chính họ muốn lật đổ một ách thống trị của ngoại nhân, tức triều đình Mãn Thanh của người Mãn Châu. Họ muốn Trung Quốc chuyển sang chế độ cộng hòa để chia tay vĩnh viễn với một chính quyền không phải do người Hán cầm đầu. Đây là lý do chính yếu.

Lý do thứ hai là họ thấy rằng dân chủ đã mang lại sức mạnh cho các cường quốc Tây phương nên họ hy vọng rằng, đối với đất nước họ, dân chủ cũng sẽ giúp họ làm được như vậy. Ngoài ra họ tuyệt đối không màng gì đến giá trị của những ý niệm về dân chủ Tây phương liên quan đến tự do cá nhân, nhân quyền và pháp trị.



Ta có thể lấy một thí dụ để chứng minh nhận xét nói trên. Sau khi Cách Mạng Tân Hợi thành công, Tôn Dật Tiên tuyên bố: “Khẩu hiệu của Cách Mạng Pháp là tự do-công bằng-bác ái, khẩu hiệu của chúng ta là dân tộc-dân chủ- dân sinh. Sự liên hệ giữa ba phần khẩu hiệu của chúng ta là thế nào? Theo tôi ý niệm dân tộc của chúng ta có giá trị tương đương với ý niệm tự do của họ vì cuộc đấu tranh của chúng ta hiện nay không có gì khác hơn là cuộc đấu tranh cho tự do của dân tộc...Thử hỏi có cách nào, trường hợp nào đúng hơn để áp dụng thuật ngữ tự do....Nếu chúng ta áp dụng thuật ngữ tự do cho trường hợp một cá nhân thì Trung Quốc sẽ là một “đĩa cát”(ý nói thiếu đoàn kết). Cho nên không thể áp dụng cho cá nhân mà phải áp dụng cho cả dân tộc. Cá nhân có thể không có đầy đủ tự do nhưng dân tộc thì không thể thiếu...Để đạt được mục đích tối hậu này chúng ta phải hy sinh tự do cá nhân của chúng ta cho dân tộc.”

Những lời tuyên bố nói trên được nhật ra từ một bài diễn thuyết của Tôn Dật Tiên nói về thuyết Tam Dân Chủ Nghĩa. Tư tưởng này, phát ra từ cửa miệng của cha đẻ cách mạng Trung Hoa., cho thấy rằng di sản văn hóa Khổng Mạnh đã quá đè nặng lên đầu óc của người dân Trung Quốc, đến độ ai cũng coi rằng người dân không có vai trò nào để dính dáng vào lãnh vực cai trị, trừ khi người lãnh đạo đã vi phạm Thiên Mệnh. Cho nên không lạ gì nếu thấy người dân Trung Quốc khó lòng làm quen được với ý nghĩa và hình ảnh một chế độ do dân làm chủ.

Dưới con mắt Tây phương, chỉ khi nào người dân Trung Quốc thoát khỏi được nạn mù chữ và sự dốt nát, chỉ khi nào hố cách biệt giàu nghèo trong xã hội Trung Quốc được san bằng, chỉ khi nào giáo lý *Khổng Mạnh* về gia đình và xã hội được xét lại, thì người dân Trung Quốc mới chịu chấp nhận và được hưởng tự do thật sự. Và chỉ vào thời điểm đó nền dân chủ mới có thể thành hình trên Hoa Lục.

Một nội dung mới của dân chủ theo chủ nghĩa cộng sản

Khởi đi từ *Phong Trào Ngũ Tứ* (May Fourth Movement 1918), những nhà cách mạng Trung Quốc muốn tìm một cấu trúc chính trị lý tưởng rõ rệt, quyết liệt và không có phiên bản thay thế. Lúc đó, dưới con mắt của họ, mẫu hình dân chủ phóng khoáng của Tây phương không đáp ứng yêu cầu vì quá mơ hồ. Mơ hồ vì cấu trúc dân chủ Tây phương được xây dựng trên những cơ sở và văn hóa không có một mẫu số chung giữa các dân tộc. Vì thế cho nên họ đã chọn mẫu hình cộng sản xây dựng trên cơ sở kinh tế là thứ mà dân tộc Trung Hoa ưu tiên đòi hỏi để giải quyết một vấn đề sinh tử đã quá kéo dài.



Đảng CSTQ được thành lập năm 1921 với sự cố vấn và giúp đỡ của *Đệ Tam Quốc Tế (Comintern)*. Chủ nghĩa *Mác Lê* xuất hiện như vị cứu tinh của dân tộc Trung Hoa vì không những nó đáp ứng được yêu cầu dân chủ mà còn đáp ứng được cả nhu cầu phát triển kinh tế một cách rõ ràng và khúc chiết. Ngoài ra tính chuyên chính trong giai đoạn *cai trị quá độ* cũng là một nét hấp dẫn đối với những người lãnh đạo vì nó hợp với đầu óc và thói quen độc tài của dân tộc Trung Hoa. Dưới con mắt của những người lãnh đạo lẫn người dân Trung Quốc, dân chủ chỉ có thể áp dụng nếu nó mang lại một chính quyền trung ương mạnh.

Như vậy, tại Trung Quốc, cả hai thành phần quốc gia và cộng sản đều không công nhận dân chủ. Đối với *Quốc Dân Đảng* cũng như đối với *Đảng Cộng Sản*, chỉ người nào tôn trọng điều lệ đảng của họ mới là những người được hưởng tự do và nhân quyền. Quan điểm này cũng không đi ra ngoài ý muốn của toàn khối người dân Trung Quốc, một khối dân chưa bao giờ được ánh sáng dân chủ soi rọi tới.

Quan điểm về *tự do* ở Hoa Lục không giống ở phương Tây. Trên đất nước Trung Hoa người tự do là người chấp nhận tư tưởng *Khổng Mạnh*, là người khoa bảng sẵn sàng dùng cuộc đời mình để phục vụ kẻ cầm quyền. Họ nghĩ rằng sự cố vấn có thể thay đổi chính sách và giá trị của những người lãnh đạo. Nhưng trong suốt chiều dài của lịch sử họ đã thất bại. Thất bại là vì ở Trung Quốc cuộc sống của con người được uốn nắn bằng bạo lực, trong khi ở Tây phương con người đòi hỏi được sống bằng lẽ phải (*reason*).

Người Trung Quốc không bao giờ quên là đất nước họ trong hơn 100 năm đã bị các cường quốc dân chủ Tây phương lạm dụng. *Chủ nghĩa thực dân* là lý do chính yếu để các nhà cách mạng Trung Hoa bác bỏ hệ thống chính trị dân chủ và hướng con mắt về những chính thể độc tài có một chính quyền trung ương mạnh, khả dĩ đương đầu hữu hiệu với những hành động và ý đồ xâm lược của ngoại nhân. Cả *Quốc Dân Đảng* Trung Hoa lẫn *Đảng CSTQ* đều không chấp nhận một chính quyền yếu ớt với một nhà nước dân chủ.

Khi *Đảng CSTQ* cướp được chính quyền tại Hoa Lục vào năm 1949 thì đồng thời chủ thuyết Lenin cũng lên ngôi chúa tể tại đây. Lenin cho rằng: “*trước 1900, một vài nước tư bản có tiên bộ, nhưng sau đó họ dần dần trở nên phản động. Khi tư bản nắm độc quyền thì chủ nghĩa thực dân phát triển. Hai cuộc thế chiến xảy ra cũng là do tính hiếu chiến giữa các nước tư bản phát triển khi họ cạnh tranh quyền lợi.*” Lời răn dạy này của Lenin đã làm cho dân Trung Quốc nghi ngờ lòng tốt của nền văn minh Âu Châu. Bị tuyên truyền bởi chủ nghĩa Lenin người Trung Quốc còn nghĩ rằng các cường quốc tư bản cũng chẳng giỏi dang gì trong việc bảo vệ người nghèo khi để cho cuộc đại khủng hoảng kinh tế thế giới xảy ra năm 1930. Ngay cả vào thời điểm hiện tại, họ cũng vẫn còn nghĩ rằng những ý niệm phổ quát về dân chủ, tự do, nhân quyền và pháp trị của Tây phương chẳng qua chỉ là để nói rộng phạm vi bá quyền của Hoa Kỳ.

Bên cạnh những nhận xét nói trên, thiết tưởng cũng cần nêu lên *một lý luận kỳ lạ hiện đang được lưu hành tại Hoa Lục*. Các vị lãnh đạo cộng sản ngồi trong Trung Nam Hải nói rằng: “*Các chế độ tư bản đang trên con đường tiến tới xã hội chủ nghĩa, vậy thì không có lý do gì để Trung Quốc phải quan tâm bắt chước họ khi mà từ lâu Trung Quốc đã tiến tới chủ nghĩa xã hội rồi, từ lâu Trung Quốc đã vọt xa các cường quốc tư bản Tây phương về thực trạng này rồi.*” Lập luận kỳ lạ này nếu chỉ dùng để lừa bịp dân chúng nhằm kéo dài vị thế cầm quyền của những người lãnh đạo cộng sản thì có thể hiểu được. Ngược lại, nếu đúng là họ tin tưởng như thế thật thì quả là đại họa cho Trung Quốc.

Sự lệ thuộc của Nhật Bản và Việt Nam vào văn hóa Trung Quốc

Nhật Bản và Việt Nam trước kia đều là hai đệ tử của nền văn hóa Trung Quốc, nhưng thái độ của mỗi nước đối với Trung Quốc khác nhau. Trong khi các sĩ phu Việt Nam coi trọng văn hóa Trung Quốc như chính của nước mình thì người Nhật, vì là dân đảo quốc, chỉ coi văn hóa Trung Quốc như một thứ hàng nhập cảng.

Chính vì vậy mà người Nhật duy trì được khả năng phê phán và lựa chọn. Với khả năng này họ đã lựa chọn học thuyết *Lương Tri* của *Vương Dương Minh* (1472-1528) một lối giải thích Khổng giáo theo hướng thực tế. Học thuyết này được truyền sang Nhật vào đầu thế kỷ 17. Chính vì hấp thụ được học thuyết Lương Tri mà người Nhật đã dễ dàng công nhận giá trị của kỹ thuật Tây phương. Sự nhạy bén và sáng suốt này khiến các lãnh chúa Nhật Bản nhanh chóng thay đổi chính sách, giao thông với các nước phương Tây và thực hiện cuộc Cách Mạng Minh Trị (1876) đưa nước Nhật vào công cuộc canh tân hiện đại.

Sĩ phu Việt Nam vì quá coi trọng *Tổng Nho* nên đã trở thành hủ lậu, mặc dầu học thuyết Lương Tri đã có cơ hội truyền sang Việt Nam nhưng không thành. Hồi đó một môn đệ của Vương Dương Minh là *Chu Chi Du* sang Việt Nam tị nạn ở *Hội An* để tránh nạn *Mãn Thanh* chiếm đóng Trung Quốc. *Chúa Hiền* biết ông là người hay chữ nên thường mời ông đến đàm đạo nhưng chúa không đủ học vấn để tiếp thu những cái hay của học thuyết *Lương Tri*. *Chu Chi Du* trú ngụ trên đất Việt Nam 10 năm mà không truyền bá được tư tưởng của mình nên bỏ sang Nhật và chính ông là người đã có công truyền bá học thuyết Vương Dương Minh trên đất Phù Tang.



Chỉ vì quá tôn sùng văn hóa Hán tộc mà tới khi mất nước hàng chục năm rồi, các Nho gia Việt Nam mới nhận thấy Tây phương có một nền văn hóa đáng được noi theo. Trong khi Nhật Bản hồi hã canh tân đất nước họ thì 18 bản điều trần của *Nguyễn Trường Tộ* vẫn bị vua *Tự Đức* lần lượt bác bỏ. Thời gia vua *Tự Đức* trị vì là thời gian Pháp hoàn thành cuộc đô hộ năm 1884.

Nhìn lại lịch sử của đất nước ta thấy rằng Việt Nam chỉ thực sự phú cường dưới các triều đại *Lý, Trần* là thời kỳ mà *Phật Giáo* còn được coi là quốc giáo. Nước ta suy sụp từ cuối *Trần*, sau khi *Khổng giáo* chiếm địa vị độc tôn và đánh bật *Phật giáo* ra ngoài vòng chính trị. Đất nước tan tành trong hoàn cảnh hiện nay chỉ vì *tinh thần nô lệ đối với Trung Hoa quá nặng*.

NGUYỄN CAO QUYỀN

Tháng 4 năm 2012